Biểu số II.06a/VPCP/KSTT

Ban hành theo Thông tư số .../2020/TT-VPCP ngày .../.../2020

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Kỳ báo cáo: Quý.../Năm...

(Từ ngày 01/01/20226 đến ngày 31/8/2026)

Đơn vị báo cáo:

+UBND cấp xã, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.
+Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh.
+Cơ quan, đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ.
+Cơ quan trung ương tổ chức theo ngành dọc cấp xã.

Đơn vị nhận báo cáo:

+UBND cấp huyện.
+UBND cấp tỉnh.
+Bộ, cơ quan ngang bộ.
+Cơ quan trung ương tổ chức theo ngành dọc cấp huyện.

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC.

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Hồ sơ rút
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn	
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính									
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	trong tuần
1	Bảo trợ xã hội	1037	995	0	42	1001	996	4	1	27	27	0	9
2	Người có công	96	86	0	10	89	88	0	1	7	7	0	0
3	Giáo dục	12	12	0	0	12	12	0	0	0	0	0	0
4	Chứng thực	5806	5780	26	0	5804	5723	81	0	2	2	0	0
5	Hộ tịch	4726	4726	0	0	4711	4663	48	0	15	15	0	0
6	Hộ tịch - Đăng ký thường trú - Bảo trợ xã hội - Người có công	397	397	0	0	397	393	0	4	0	0	0	0
7	Hoạt động xây dựng	348	341	0	7	334	333	0	1	4	4	0	10
8	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc	38	38	0	0	38	38	0	0	0	0	0	0
9	Đường bộ	7	7	0	0	7	7	0	0	0	0	0	0
10	Đăng ký, quản lý cư trú	79	79	0	0	77	77	0	0	2	2	0	0
11	Đất đai	365	208	3	154	120	30	0	90	195	45	150	50
12	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	710	705	0	5	709	709	0	0	1	1	0	0
13	Giảm nghèo	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0
14	Thú y	2	2	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0
15	Tài chính đất đai	2	2	0	0	1	0	0	1	1	1	0	0
16	Địa chất và khoáng sản	1	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
17	Hạ tầng kỹ thuật	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng		**13628**	**13381**	**29**	**218**	**13304**	**13073**	**133**	**98**	**255**	**105**	**150**	**69**